



3 拍手歌

1、看拼音，写字词。

xīn qí

huǒ bàn

fēi xiáng

tiān kōng

zhú lín

dòng wù

bǎo hù

shì jiè

xióng yīng

yún cai

xiě zì

měng hǔ

2、比一比，再组词。

从 ()

休 ()

雄 ()

歌 ()

丛 ()

体 ()

熊 ()

哥 ()





参考答案

1、

新奇 伙伴 飞翔 天空

竹林 动物 保护 世界

雄鹰 云彩 写字 猛虎

2、

从来 休息 英雄 歌曲

草丛 体育 熊猫 哥哥

